TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 1171/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27/9/2019
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Ngọc Thương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Như Oanh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 776/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 278/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1988; Địa chỉ thường trú: Xã A, huyện B, tỉnh Nghệ An; Địa chỉ liên lạc: 141/30/8 đường 339, phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Tống Duy Đ, sinh năm 1976; Địa chỉ thường trú: 82/9A ấp E, xã F, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn xin ly hôn đề ngày 25/6/2019, bản tự khai ngày 22/7/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Phạm Thị H trình bày:

Bà và ông Tống Duy Đ tự nguyên chung sống với nhau, tổ chức lễ cưới năm 2011. Cả hai tự nguyện đăng ký kết hôn và được UBND xã F, huyện G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 51-KH ngày 01/4/2011. Sau ngày cưới, ông bà sống chung tại xã F, huyện G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vào khoảng tháng 5 năm 2012, hai bên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do cả hai không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung. Ông Đ không lo

làm ăn, thường nhậu nhẹt, không quan tâm, chăm sóc vợ con, cả hai thường xuyên cải vã. Bà H đã nhiều lần cho cơ hội nhưng ông Đ không thay đổi. Cả hai đã sống ly thân từ năm 2013.

Năm 2014, bà H đã nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn nhưng không được Tòa án chấp nhận (theo bản án sơ thẩm số 701/2014/HNGĐ-ST ngày 04/9/2014), bà đã làm đơn kháng cáo bản án. Do bà H không có mặt tại Tòa theo giấy triệu tập nên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án. Tuy nhiên, từ thời gian đó đến nay bà và ông Đ vẫn không thể hàn gắn, cả hai vẫn tiếp tục sống ly thân.

Nhận thấy cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó bà H yêu cầu ly hôn với ông Tống Duy Đ.

Về con chung: Có 01 con chung tên Tống Duy L, sinh ngày 24/6/2012. Từ khi sinh ra đến nay, bé L sống cùng với bà H, do bà H tự mình chăm sóc nên bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Duy L, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

Nguyên đơn bà Phạm Thị H đã được Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn triệu tập hợp lệ nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Tại bản tự khai ngày 22/7/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Tống Duy Đ trình bày như sau:

Ông và bà Phạm Thị H tự nguyên chung sống với nhau, tổ chức lễ cưới năm 2011. Cả hai tự nguyện đăng ký kết hôn và được UBND xã F, huyện G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 51-KH ngày 01/4/2011. Sau ngày cưới, ông bà sống chung tại xã F, huyện G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó đến khoảng năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, từ khi sinh con là trẻ Duy L thì sự quan tâm của ông dành cho vợ có phần ít hơn do ông chịu nhiều áp lực từ cuộc sống. Vợ chồng cũng có lớn tiếng gây gỗ nhưng không đáng để ly hôn. Tuy nhiên bà H không hiểu cho áp lực của ông, nghĩ rằng ông không quan tâm vợ con. Bà H đã tự ý bế con rời khỏi nhà vào ngày 07/9/2013, từ đó đến nay ông Đ không liên lạc được.

Nay vì cuộc sống và tương lai của con, ông mong muốn vợ chồng cùng nhau chia sẻ, cùng nhau nuôi dạy con nên người nên ông vẫn muốn hàn gắn với bà H, không đồng ý ly hôn với bà H.

Về con chung: Có 01 con chung tên Tống Duy L, sinh ngày 24/6/2012. Trong trường hợp Tòa giải quyết cho ly hôn, ông Đ cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung là trẻ Duy L và không yêu cầu bà H cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Phạm Thị H khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Tống Duy Đ, đây là tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Ông Tống Duy Đ là bị đơn hiện đang thường trú tại xã F, huyện Hóc Môn nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[2] Nguyên đơn Phạm Thị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn Phạm Thị H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Trình bày của nguyên đơn Phạm Thị H và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện bà Phạm Thị H và ông Tống Duy Đ tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã F, huyện G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 51-KH ngày 01/4/2011 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ năm 2012, vợ chồng không hiểu nhau, không tìm được tiếng nói chung. Ông Đ không quan tâm, chăm sóc vợ con, quá trình sống chung cả hai thường xuyên cải vã. Năm 2014, bà H đã có yêu cầu ly hôn nhưng không được Tòa án chấp nhận, để cả hai có cơ hội hàn gắn, đoàn tụ gia đình. Bà H đã làm đơn kháng cáo bản án. Do bà H không có mặt tại Tòa theo giấy triệu tập nên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án. Tuy nhiên, từ thời gian đó cho đến nay thì cuộc sống hôn nhân giữa bà với ông Đ không có sự thay đổi, các mâu thuẫn vẫn tiếp diễn, không được giải quyết. Cả hai không cùng nhau hàn gắn để tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình. Nay bà H tiếp tục yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Đ. Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn đã triệu tập hợp lệ bà H và ông Đ để tiến hành hòa giải nhưng bà H cương quyết ly hôn, đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Ông Đ không muốn ly hôn nhưng từ đó đến nay không có hành động gì thiết thực để hàn gắn quan hệ hôn nhân với bà H. Bên cạnh đó, bà H và ông Đ đã ly thân từ năm 2013, thời gian ly thân đã lâu, cả hai đều đã có cuộc sống riêng ổn định. Xét thấy hôn nhân giữa bà H và ông Đ lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị H là phù hợp.

[4] Về con chung: Bà H và ông Đ có 01 con chung tên Tống Duy L, sinh ngày 24/6/2012. Con chung do bà H đang trực tiếp nuôi dưỡng, bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng trẻ L. Tại bản tự khai lập ngày 22/7/2019, trẻ Duy L có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Để ổn định tâm sinh lý, đảm bảo sự phát triển mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà H tạm thời không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về chia tài sản chung: Đương sự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7] Về nghĩa vụ dân sự chung: Đương sự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[8] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227, Điều 228 và khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 ;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phạm Thị H và ông Tống Duy Đ.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao trẻ Tống Duy L, sinh ngày 24/6/2012 cho bà Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

2.2. Bà Phạm Thị H tạm thời không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84, khoản 2 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

4. Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí: Bà Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng do bà H đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0004309 ngày 25/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

7. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- TAND TP.HCM;
- VKSND H. Hóc Môn;
- Chi cục THA DS H. Hóc Môn;
- UBND xã F, H.G, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Thương